

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023						
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		Kế hoạch vốn		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân năm 2022 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Kế hoạch vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước
TỔNG SỐ								5.617.360	3.838.687	1.418.357	1.014.838	1.004.205	755.999	1.418.355	1.014.837	3.125.173	2.332.823	3.187.522	536.627	1.489.185	344.152	1.698.337	192.475	1.802.959	1.278.337	192.475		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						602.048	503.137	26.000	26.000	25.999	25.999	25.999	25.999	208.936	181.975	431.647	26.000	110.485	26.000	321.162	192.475	1.802.959	1.278.337	192.475			
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022						179.948	147.975	26.000	26.000	25.999	25.999	25.999	25.999	174.098	147.975	78.485	26.000	78.485	26.000								
1	Nâng cấp, tu sửa hồ chứa nước Chóp Sỏi, Chí Linh	C	Chí Linh		2014	203, 14/01/2014	14.971	13.000	13.000	13.000	12.999	12.999	12.999	12.999	13.368	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000								
2	Nâng cấp tu sửa hồ chứa nước Trại Gao, thị xã Chí Linh	C	Chí Linh		2014	202, 14/01/2014	14.977	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.506	13.000	13.000	13.000		13.000	13.000							
3	Xây dựng và cải tạo hệ thống kênh trung thủy nông Cẩm Đông - Phố Xá, huyện Cẩm Giàng	B	Huyện Cẩm Giàng	7,3km	2018-2021	57/HĐND-VP, 31/03/2016; 3337/QĐ-UBND, 31/10/2017	150.000	121.975							147.225	121.975	52.485		52.485									
(2)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023						90.000	90.000							34.000	34.000	88.000		32.000		56.000	56.000	56.000	56.000				
1	Xử lý cấp bách các công trình để điều chỉnh Hải Dương	B	H. Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, TP Chí Linh, TPHD	4,23 km để và xây dựng mới 09 công dưới để	2021-2023	1199; 23/4/2021	90.000	90.000							34.000	34.000	88.000		32.000		56.000	56.000	56.000	56.000				
(3)	Dự án khởi công mới năm 2023						332.100	265.162							838	265.162					265.162	195.162	195.162					
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Cẩm Giàng, Kinh Môn, Tứ Kỳ, Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	B	H. Cẩm Giàng, Tứ Kỳ; thị xã Kinh Môn	173 ha	2023-2024	3866, 23/12/2016; 3516, 08/10/2019	72.000	35.162							838		35.162				35.162	35.162	35.162	35.162				
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (vùng sản xuất bắc và nam sông Cửu An)	B	Huyện Ninh Giang	175 ha	2023-2024	3148, 02/11/2016; 21/NQ-HĐND, 12/7/2021	90.100	60.000									60.000				60.000	60.000	60.000	60.000				
3	Dự án nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sặt - Phú, huyện Bình Giang	B	H. Bình Giang	Tươi 1.929 ha đất canh tác; tiêu 2.134 ha	2023-2025	25/NQ-HĐND; 12/7/2021	170.000	170.000									170.000				170.000	100.000	100.000	100.000				
II	Giao thông						4.913.041	3.291.712	1.337.626	945.000	935.207	695.000	1.337.626	945.000	2.813.966	2.107.010	2.712.037	510.627	1.334.862	318.152	1.377.175	192.475	1.551.797	1.027.175	192.475			
II.1	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội						1.778.886	1.000.000	600.000	400.000	430.000	250.000	600.000	400.000	710.000	500.000	1.000.000		500.000		500.000	600.000	300.000					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022						Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		Kế hoạch vốn		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân năm 2022 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Kế hoạch vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Thu hồi vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số		Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước			
																									Trong đó, vốn NSTW	Trong đó, vốn NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=18-23	24=19-22	31	32	33	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						1.778.886	1.000.000	600.000	400.000	430.000	250.000	600.000	400.000	710.000	500.000	1.000.000			500.000	500.000			600.000	300.000		
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	B	Thanh Miện + Ninh Giang + Tứ Kỳ	36,49km	2021-2024	1643/QĐ-UBND, 03/6/2021; 22/NQ-HĐND, 12/7/2022	1.778.886	1.000.000	600.000	400.000	430.000	250.000	600.000	400.000	710.000	500.000	1.000.000			500.000	500.000			600.000	300.000		
II.2	Danh mục dự án khác						3.134.155	2.291.712	737.626	545.000	505.207	445.000	737.626	545.000	2.103.966	1.607.010	1.712.037	510.627			834.862	318.152	877.175	192.475	951.797	727.175	192.475
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022						1.703.510	1.505.704	542.475	542.475	442.475	442.475	542.475	542.475	1.590.702	1.505.702	943.029	510.627			750.554	318.152	192.475	192.475	192.475	192.475	192.475
1	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	B	Thanh Hà, Nam Sách, TPHD	12 km đường và 01 cầu vượt QL5	KC: 2012	3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2016; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1.045.686	998.204	192.475	192.475	192.475	192.475	192.475	192.475	998.202	998.202	593.029	510.627			400.554	318.152	192.475	192.475	192.475	192.475	192.475
2	Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, đoạn từ Quốc lộ 37 vào Đền Kiếp Bạc	B	Chí Linh	5,1 km	Giai đoạn 1: 2012-2013; Giai đoạn 2: sau năm 2020	729, 30/3/2012; 746, 04/4/2012; 2469, 18/7/2019; 2043, 14/7/2021	657.824	507.500	350.000	350.000	250.000	250.000	350.000	350.000	592.500	507.500	350.000			350.000							
(2)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023						1.047.209	486.008	195.151	2.525	62.732	2.525	195.151	2.525	513.264	101.308	469.008			84.308	384.700			525.886	384.700		
1	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, huyện Kim Thành	B	Kim Thành	4,26 km	2021-2023	4087; 31/12/2020	150.000	150.000							38.783	38.783	148.000			36.783			111.217	111.217			
2	Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, thành phố Hải Dương	B	TPHD	01 cầu vượt trên QL5	2020-2023	2618, 31/8/2020; 1068, 05/4/2021; 2042, 14/7/2021	427.389	200.000	2.525	2.525	2.525	2.525	2.525	2.525	281.855	62.525	185.000			47.525			137.475		137.475	137.475	
2	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đông Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	B	Chí Linh	5,13 km	2022-2024	3849; 25/12/2021	469.820	136.008	192.626		60.207		192.626		192.626		136.008						136.008		277.194	136.008	
(3)	Dự án khởi công mới năm 2023						383.436	300.000									300.000				300.000			233.436	150.000		
1	Xây dựng đường tránh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	B	Tứ Kỳ	2,16km	2023-2024	402; 28/01/2022	133.436	100.000								100.000							100.000		83.436	50.000	
2	Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	B	Chí Linh	4,28km	2023-2024	23/NQ-HĐND, 12/7/2021	250.000	200.000								200.000							200.000		150.000	100.000	
III	Du lịch						102.271	43.838	54.731	43.838	43.000	35.000	54.731	43.838	102.271	43.838	43.838			43.838							
	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022						102.271	43.838	54.731	43.838	43.000	35.000	54.731	43.838	102.271	43.838	43.838			43.838							

TT	Danhs mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022						Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023							
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		Kế hoạch vốn		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân năm 2022 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Kế hoạch vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước				
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=18-23	24=19-22
1	Đường hạ tầng du lịch vào chùa Huyện Thiên, Chí Linh	B	TP Chí Linh	1,4 km đường vào chùa; kẻ 730 m bờ hồ và nao vét 1,94 ha hồ	2019-2022	3849, 17/10/2018; 964, 26/3/2021	49.975	20.838	24.894	20.838	18.000	15.000	24.894	20.838	49.975	20.838	20.838				20.838								
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chí Lăng Nam, huyện Thanh Miện	B	Thanh Miện	Đắp đất mở rộng 02 đảo cò (1,16 ha), tạo 01 đảo cò mới (0,55 ha) và kẻ gia cố đảo; xây dựng 1,8 km đường quanh hồ	2017-2022	3204, 07/11/2016; 3601, 03/12/2021	52.296	23.000	29.837	23.000	25.000	20.000	29.837	23.000	52.296	23.000	23.000				23.000								